



**ECOVIS**<sup>®</sup>  
AFA VIETNAM

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM**  
**ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING – APPRAISAL AND CONSULTING CO., LTD**

142 Xo Viet Nghe Tinh St., Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau Dist., Danang City, Vietnam  
Tel: +84 236 363 3333 | Fax: +84 236 363 3338 | Email: info@ecovis.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH  
VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH  
VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 – 36

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phùng Ngọc Hồng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Anh	Thành viên
Bà Đỗ Thị Mai Anh	Thành viên
Ông Phạm Cảnh Toàn	Thành viên
Bà Nguyễn Mai Hoa	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Hữu	Trưởng ban
Bà Mạc Thị Hồng Minh	Thành viên
Ông Phạm Duy Khánh	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đỗ Thị Mai Anh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Cảnh Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lê Quang	Phó Tổng Giám đốc

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này của Công ty là bà Đỗ Thị Mai Anh, Tổng Giám đốc.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán giữa niên độ được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: <http://www.ecovis.com/vietnam/audit>).

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**Đỗ Thị Mai Anh**  
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Số: 306/2021/BCSX-E.AFA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2021, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

***Kết luận của kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 của Công ty được soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần tại Báo cáo soát xét số 913/BCSX-AAC ngày 10/08/2020 và ý kiến chấp nhận toàn phần tại Báo cáo kiểm toán số 107/2021/BCKT-AAC ngày 01/03/2021.



**Phạm Quang Trung**  
**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
1334-2021-240-1

**Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM**  
Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2021

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>280.917.979.036</b>	<b>63.327.079.782</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.272.973.234</b>	<b>15.540.320.316</b>
1. Tiền	111	4.1	4.272.973.234	15.540.320.316
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>158.721.597.397</b>	<b>24.238.211.169</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	146.018.090.168	21.968.350.632
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	5.778.421.430	367.784.715
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.4	5.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	3.059.530.035	2.953.490.997
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.7	(1.134.444.236)	(1.051.415.175)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.6</b>	<b>115.872.739.935</b>	<b>22.772.952.019</b>
1. Hàng tồn kho	141		117.418.735.227	24.318.947.311
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.545.995.292)	(1.545.995.292)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.050.668.470</b>	<b>775.596.278</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	1.348.157.025	772.596.278
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		702.511.445	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	3.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>32.523.888.881</b>	<b>33.264.962.302</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>14.819.913.266</b>	<b>14.819.913.266</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	14.819.913.266	14.819.913.266
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.459.870.959</b>	<b>3.888.264.116</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	3.459.870.959	3.888.264.116
Nguyên giá	222		6.782.116.604	6.745.552.968
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.322.245.645)	(2.857.288.852)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>28.363.636</b>	<b>28.363.636</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	28.363.636	28.363.636
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.329.000.000</b>	<b>3.329.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4.9	3.329.000.000	3.329.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.886.741.020</b>	<b>11.199.421.284</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	10.886.741.020	11.199.421.284
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>313.441.867.917</b>	<b>96.592.042.084</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM**

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu B 01a – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>242.641.837.286</b>	<b>25.626.077.437</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>242.641.837.286</b>	<b>25.626.077.437</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	213.082.074.373	13.998.945.982
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	8.093.240.615	1.133.860.858
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	1.324.520.331	960.446.957
4. Phải trả người lao động	314		3.360.792.113	2.599.831.538
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	9.550.738.010	1.271.907.900
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	5.334.345.276	4.273.477.467
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.896.126.568	1.387.606.735
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>70.800.030.631</b>	<b>70.965.964.647</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.17</b>	<b>70.800.030.631</b>	<b>70.965.964.647</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		44.050.000.000	44.050.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		44.050.000.000	44.050.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		(200.000.000)	(200.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.258.347.895	22.730.964.647
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.691.682.736	4.385.000.000
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.691.682.736	4.385.000.000
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>313.441.867.917</b>	<b>96.592.042.084</b>



Đỗ Thị Mai Anh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Mai Hoa  
Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Mỹ Duyên  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	275.956.809.374	185.990.656.200
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	1.702.289.658	357.235.199
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		274.254.519.716	185.633.421.001
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	244.161.727.759	167.984.254.252
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.092.791.957	17.649.166.749
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	854.518.877	328.223.977
7. Chi phí tài chính	22	5.5	392.421.990	-
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	16.132.010.055	8.063.449.032
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	7.546.303.680	6.109.305.684
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.876.575.109	3.804.636.010
11. Thu nhập khác	31	5.8	23.846.319	37.059.867
12. Chi phí khác	32	5.9	369.089.679	350.589.041
13. Lợi nhuận khác	40		(345.243.360)	(313.529.174)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.531.331.749	3.491.106.836
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.11	1.257.499.269	688.241.367
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.273.832.480	2.802.865.469
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.17.5	962	511
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.17.6	962	511



**Đỗ Thị Mai Anh**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2021

**Nguyễn Mai Hoa**  
Kế toán trưởng

**Huỳnh Thị Mỹ Duyên**  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	147.378.433.595	73.055.534.752
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02	(137.450.270.535)	(71.464.942.400)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.694.215.189)	(5.070.406.092)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(190.005.735)	(70.256.004)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.541.183.948	1.434.306.325
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(7.285.428.407)	(3.033.304.141)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(2.700.302.323)</b>	<b>(5.149.067.560)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(36.563.636)	(28.363.636)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(5.600.000.000)	(800.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	600.000.000	2.300.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	854.518.877	335.546.677
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.182.044.759)</b>	<b>1.807.183.041</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	(4.385.000.000)	(4.385.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(4.385.000.000)</b>	<b>(4.385.000.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(11.267.347.082)</b>	<b>(7.726.884.519)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	15.540.320.316	10.772.960.445
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>4.272.973.234</b>	<b>3.046.075.926</b>



Đỗ Thị Mai Anh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Mai Hoa  
Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Mỹ Duyên  
Người lập

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309902130 ngày 02 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 12 năm 2015.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SMN theo Quyết định số 219/QĐ-SGDHN ngày 20/04/2015. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu SMN là ngày 14/07/2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 44.050.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Việt Nam	23.400.000.000	53,12	23.400.000.000	53,12
Các cổ đông khác	Việt Nam	20.450.000.000	46,43	20.450.000.000	46,43
Cổ phiếu quỹ		200.000.000	0,45	200.000.000	0,45
<b>Cộng</b>		<b>44.050.000.000</b>	<b>100</b>	<b>44.050.000.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 78 người (31 tháng 12 năm 2020 là 73 người).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất kinh doanh Sách và Thiết bị giáo dục.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý. Môi giới (trừ môi giới bất động sản). Đấu giá;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: biên tập, biên soạn sách; dịch thuật (trừ xuất bản sách);
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất đồ dùng dạy học, trang thiết bị trường học (không sản xuất tại trụ sở);
- In ấn (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ bể bơi di động;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn bể bơi di động;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); văn phòng phẩm. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (có nội dung được phép lưu hành);
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi (không sản xuất tại trụ sở).

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<b>Công ty liên doanh, liên kết:</b>				
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học lĩnh BR - VT	Số 237 Lê Lợi, P. Thắng Nhì, TP. Vũng Tàu, T. Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	35%	35%	35%
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị giáo dục Bình Dương	Số 88, Trần Bình Trọng, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	21%	21%	21%

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**2.3. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**3.3. Đầu tư tài chính**

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng các khoản cho vay khó đòi. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**3.4. Nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5. Hàng tồn kho**

***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2021</u>	
▪ Máy móc thiết bị	07	năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06	năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03	năm

**3.7. Thuê tài sản**

***Phân loại thuê tài sản***

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

***Thuê hoạt động***

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

**3.8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí thuê đất, chi phí thuê GTGT không được khấu trừ của hàng tự sản xuất... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 1 năm đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**3.10. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.11. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các Cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.13. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

### *Thu nhập đầu tư*

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **3.14. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

### **3.15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

### **3.16. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chiết khấu thanh toán, lãi trả chậm và chênh lệch tỷ giá.

### **3.17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

### **3.18. Thuế**

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

#### *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế như sau:

- Sách giáo khoa, giáo trình, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: không chịu thuế;
- Thiết bị văn phòng, từ điển: 5% - 10%;
- Các hàng hóa, dịch vụ khác: 10%.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****Các loại thuế khác**

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.19. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là kinh doanh thương mại và lãnh thổ chính là Việt Nam.

**3.20. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	640.689.492	9.625.910
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.632.283.742	14.530.694.406
Tiền đang chuyển	-	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.272.973.234</b>	<b>15.540.320.316</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đắk Nông	-	4.345.999.901
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Phú Yên	4.834.327.360	2.240.617.420
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Bà Rịa - Vũng Tàu	14.986.604.773	-
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	4.446.254.510	2.360.965.942
Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	36.506.361.372	106.936.893
Các khách hàng khác	85.244.542.153	12.913.830.476
<b>Cộng</b>	<b><u>146.018.090.168</u></b>	<b><u>21.968.350.632</u></b>
Trong đó phải thu khách hàng là bên liên quan - Xem thêm mục 6	75.021.111.201	3.692.515.020

**4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty TNHH Kim Tân	47.042.500	47.042.500
Công ty TNHH Dịch vụ Sách Nam An	5.151.077.580	-
Đoàn Thị Thuý Hạnh	473.040.000	262.800.000
Võ Diệu Thanh	-	45.000.000
Các đối tượng khác	107.261.350	12.942.215
<b>Cộng</b>	<b><u>5.778.421.430</u></b>	<b><u>367.784.715</u></b>

**4.4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty TNHH Dịch vụ Sách Nam An (*)	5.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>5.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

(\*) Cho Công ty TNHH Dịch vụ Sách Nam An vay theo hợp đồng cho vay số 01/HĐVV-2021 ngày 04/01/2021, thời hạn vay: thời hạn thực tế cho đến khi khách hàng trả nợ, lãi suất: 8%/năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**4.5. Phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Phải thu thuế TNCN	307.733.898	-	171.074.184	-
Ký quỹ, ký cược	221.719.428	-	2.281.894.916	-
Tạm ứng	1.515.008.932	-	11.000.000	-
BHXX, BHYT, BHTN	4.998.097	-	6.498.199	-
Công ty CP Thương mại Đầu tư và Phát triển Nhật Vãn	425.000.000	-	425.000.000	-
Công ty TNHH Nhựa Đồng Tâm (khuôn mẫu)	560.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	25.069.680	-	58.023.698	-
<b>Cộng</b>	<b>3.059.530.035</b>	<b>-</b>	<b>2.953.490.997</b>	<b>-</b>
<b>Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	5.000.000	-
Dự án Mai Thị Lựu (*)	14.814.913.266	-	14.814.913.266	-
<b>Cộng</b>	<b>14.819.913.266</b>	<b>-</b>	<b>14.819.913.266</b>	<b>-</b>
Trong đó phải thu khác là bên liên quan - Xem thêm mục 6	14.814.913.266	-	14.814.913.266	-

(\*) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam), Công ty CP Đầu tư & PTGD Phương Nam để xây dựng Cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên số 108HD/2011 ngày 01/04/2011 và các phụ lục điều chỉnh, trong đó: vốn đầu tư của Công ty chiếm 30% dự án. Ngày 01/07/2014, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 01 giao cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam thực hiện dự án thay thế cho chủ thể cũ là Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh. Đến nay, dự án đã đi vào hoạt động kinh doanh, các bên thống nhất giao cho Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam quản lý và khai thác kinh doanh, tập hợp và phân chia doanh thu, chi phí cho các bên theo tỷ lệ đã thỏa thuận.

**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.441.980.777	-	3.011.397.537	-
Chi phí SXKD dở dang	2.006.794.133	-	414.346.438	-
Thành phẩm	8.954.721.228	-	3.982.310.395	-
Hàng hóa	102.843.521.596	1.545.995.292	14.054.109.822	1.545.995.292
Hàng gửi đi bán	171.717.493	-	2.856.783.119	-
<b>Cộng</b>	<b>117.418.735.227</b>	<b>1.545.995.292</b>	<b>24.318.947.311</b>	<b>1.545.995.292</b>

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ là 0 VND.

Tại thời điểm cuối kỳ, giá trị hàng tồn kho ứ đọng, chậm luân chuyển là 1.877.811.116 VND, Công ty xác định giá trị có thể thu hồi số hàng tồn kho này là 331.815.824 VND và thực hiện trích lập dự

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

phòng giảm giá hàng tồn kho 1.545.995.292 VND. Giá trị hàng tồn kho đang luân chuyển bình thường là: 115.540.924.111 VND.

**4.7. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.986.186.032	851.741.796	1.709.422.496	658.007.321
<b>Cộng</b>	<b><u>1.986.186.032</u></b>	<b><u>851.741.796</u></b>	<b><u>1.709.422.496</u></b>	<b><u>658.007.321</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM**

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH SX TM TB Giáo dục Vạn Lợi	393.407.855	-	Trên 3 năm	393.407.855	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Đồng Tháp	162.702.434	81.351.217	1 - 2 năm	162.702.434	81.351.217	1 - 2 năm
Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Sản Xuất Thiết Bị Giáo Dục Minh Phát	1.110.163.501	555.081.751	1 - 2 năm	1.110.163.501	555.081.751	1 - 2 năm
Cửa Hàng Sách Nhật Minh	43.148.706	21.574.353	1 - 2 năm	43.148.706	21.574.353	1 - 2 năm
Công ty Sách - Thiết bị Giáo dục Hoàng Minh Phúc	166.000.959	116.200.671	6 tháng - 1 năm			
Công ty TNHH Sách Thiết bị Tổng hợp Minh Anh	106.538.540	74.576.978	6 tháng - 1 năm			
Cơ sở Sản xuất Nguyễn Thiên Trường	119.590	83.713	6 tháng - 1 năm			
Công ty TNHH Phú Đoàn	554.238	387.967	6 tháng - 1 năm			
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thái Bình	2.345.009	1.641.506	6 tháng - 1 năm			
Công ty cổ phần Trí Minh	100.000	70.000	6 tháng - 1 năm			
Trung tâm giới thiệu sách Sài Gòn Phú Yên	1.105.200	773.640	6 tháng - 1 năm			
<b>Cộng</b>	<b>1.986.186.032</b>	<b>851.741.796</b>		<b>1.709.422.496</b>	<b>658.007.321</b>	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**4.8. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí bản thảo	717.610.433	41.454.495
Thuế GTGT không được khấu trừ phân bổ cho hàng tồn kho	560.555.412	595.203.512
Công cụ, dụng cụ, chi phí chờ phân bổ	69.991.180	135.938.271
<b>Cộng</b>	<b><u>1.348.157.025</u></b>	<b><u>772.596.278</u></b>
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ, chi phí chờ phân bổ	436.741.020	749.421.284
Tiền thuê cơ sở hạ tầng (*)	10.450.000.000	10.450.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>10.886.741.020</u></b>	<b><u>11.199.421.284</u></b>

(\*) Là khoản thuê cơ sở hạ tầng trên đất tại Lô A5-3 Khu A, Đường N2, KCN Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thuê đất số 238/HĐTD/SCD-2019 ngày 16/10/2019 và Phụ lục số 238/PLHĐTD/SCD-2019 ngày 16/10/2019 với Công ty cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD). Cho đến hiện nay, Công ty đang triển khai các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn và nhận bàn giao đất từ bên cho thuê.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM**

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.9. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học tỉnh BR - VT	1.229.000.000	-		1.229.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Bình Dương	2.100.000.000	-		2.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.329.000.000</b>	<b>-</b>		<b>3.329.000.000</b>

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Bình Dương và Công ty Cổ phần Sách TBTH tỉnh BR – VT đều có lãi, không có lỗ lũy kế và vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2021 được bảo toàn. Do đó, các khoản ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết trong kỳ:

Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học tỉnh BR - VT  
 Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Bình Dương

Kỳ này

Hoạt động kinh doanh có lãi  
 Hoạt động kinh doanh có lãi

Kỳ trước

Hoạt động kinh doanh có lãi  
 Hoạt động kinh doanh có lãi

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM**

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc thiết bị VND	P.tiền vận tài truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2021	609.700.818	5.633.712.118	502.140.032	6.745.552.968
Mua sắm trong kỳ	-	-	36.563.636	36.563.636
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>609.700.818</b>	<b>5.633.712.118</b>	<b>538.703.668</b>	<b>6.782.116.604</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2021	470.393.858	1.921.746.191	465.148.803	2.857.288.852
Phân loại lại	-	(47.448)	47.448	-
Khấu hao trong kỳ	26.515.151	411.916.070	26.525.572	464.956.793
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>496.909.009</b>	<b>2.333.614.813</b>	<b>491.721.823</b>	<b>3.322.245.645</b>
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2021	139.306.960	3.711.965.927	36.991.229	3.888.264.116
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>112.791.809</b>	<b>3.300.097.305</b>	<b>46.981.845</b>	<b>3.459.870.959</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 0 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.398.238.305 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Dự án nhà kho chứa hàng hóa, vật tư	28.363.636	28.363.636
<b>Cộng</b>	<b>28.363.636</b>	<b>28.363.636</b>

**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
DNTN SX Thiết bị giáo dục- Thể thao Tài Lực	445.543.398	445.543.398	1.939.830.160	1.939.830.160
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	1.300.779.325	1.300.779.325	2.540.921.735	2.540.921.735
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	192.099.518.623	192.099.518.623	3.033.067.286	3.033.067.286
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	1.661.170.585	1.661.170.585	1.421.031.709	1.421.031.709
Các đối tượng khác	17.575.062.442	17.575.062.442	5.064.095.092	5.064.095.092
<b>Cộng</b>	<b>213.082.074.373</b>	<b>213.082.074.373</b>	<b>13.998.945.982</b>	<b>13.998.945.982</b>
Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan - xem thêm mục 6	201.699.423.175	201.699.423.175	9.837.686.324	9.837.686.324

**4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Long An	-	111.917.140
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học tỉnh BR - VT	-	855.231.595
Ban Quản lý Dự án Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất giai đoạn 2	6.248.883.960	-
Các đối tượng khác	1.844.356.655	166.712.123
<b>Cộng</b>	<b>8.093.240.615</b>	<b>1.133.860.858</b>
Trong đó người mua trả tiền trước là bên liên quan - Xem thêm mục 6	-	855.231.595

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**4.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2021	Trong năm		Tại ngày 01/01/2021	
	VND	VND		VND	
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	-	512.922.035	-	512.922.035
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.257.499.269	1.257.499.269	190.005.735	-	190.005.735
Thuế thu nhập cá nhân	67.021.062	923.611.355	1.114.109.480	-	257.519.187
Các loại thuế khác	-	3.000.000	-	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.324.520.331</b>	<b>2.184.110.624</b>	<b>1.817.037.250</b>	<b>3.000.000</b>	<b>960.446.957</b>

**4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
	VND	VND
Chi phí bán thảo, nhuận bút phải trả	4.220.708.924	1.271.907.900
Chiết khấu thanh toán phải trả	392.421.990	-
Chiết khấu theo hợp đồng mua SGK	4.173.087.096	-
Chi phí thuê kho	764.520.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.550.738.010</b>	<b>1.271.907.900</b>

**4.16. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
	VND	VND
Hoa hồng môi giới	3.448.243.597	3.689.457.384
Nhận ký cược, ký quỹ	20.000.000	20.000.000
Kinh phí công đoàn	53.830.296	-
Công ty TNHH Dịch vụ Sách Nam An	135.140.740	125.884.540
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	754.940.760	-
Các khoản phải trả khác	922.189.883	438.135.543
<b>Cộng</b>	<b>5.334.345.276</b>	<b>4.273.477.467</b>
Trong đó: Phải trả khác là bên liên quan - xem thêm mục 6	754.940.760	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM**

Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.17. Vốn chủ sở hữu****4.17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc Vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2020	44.050.000.000	(200.000.000)	19.740.303.604	4.385.000.000	67.975.303.604
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	2.802.865.469	2.802.865.469
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	280.286.547	(280.286.547)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(420.429.820)	(420.429.820)
Trích thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(140.143.273)	(140.143.273)
Chia cổ tức	-	-	-	(4.385.000.000)	(4.385.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2020</b>	<b>44.050.000.000</b>	<b>(200.000.000)</b>	<b>20.020.590.151</b>	<b>1.962.005.829</b>	<b>65.832.595.980</b>
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	6.416.710.834	6.416.710.834
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.710.374.496	(2.710.374.496)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(962.506.625)	(962.506.625)
Trích thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(320.835.542)	(320.835.542)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2021</b>	<b>44.050.000.000</b>	<b>(200.000.000)</b>	<b>22.730.964.647</b>	<b>4.385.000.000</b>	<b>70.965.964.647</b>
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	5.273.832.480	5.273.832.480
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	527.383.248	(527.383.248)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(791.074.872)	(791.074.872)
Trích thù lao HĐQT, BKS (*)	-	-	-	(263.691.624)	(263.691.624)
Chia cổ tức (**)	-	-	-	(4.385.000.000)	(4.385.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2021</b>	<b>44.050.000.000</b>	<b>(200.000.000)</b>	<b>23.258.347.895</b>	<b>3.691.682.736</b>	<b>70.800.030.631</b>

(\*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận 06 tháng đầu năm 2021.

(\*\*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 105/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**4.17.2 Chi tiết vốn góp chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	23.400.000.000	23.400.000.000
Các cổ đông khác	20.450.000.000	20.450.000.000
Cổ phiếu quỹ	200.000.000	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>44.050.000.000</b>	<b>44.050.000.000</b>

**4.17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp tại ngày 01/01	44.050.000.000	44.050.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
<b>Vốn góp tại ngày 30/06</b>	<b>44.050.000.000</b>	<b>44.050.000.000</b>

**4.17.4 Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.405.000	4.405.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VCSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	20.000	20.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000	20.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VCSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.385.000	4.385.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.385.000	4.385.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là VCSH)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND/cổ phần

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**4.17.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.273.832.480	2.802.865.469
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi; thù lao HĐQT, BKS	1.054.766.496	560.573.093
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	4.219.065.984	2.242.292.376
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	4.385.000	4.385.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>962</b>	<b>511</b>

**4.17.6 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.273.832.480	2.802.865.469
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi; thù lao HĐQT, BKS	1.054.766.496	560.573.093
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.219.065.984	2.242.292.376
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	4.385.000	4.385.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.385.000	4.385.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>962</b>	<b>511</b>

**4.17.7 Cổ tức**

Theo Quyết định số 472/QĐ-HĐQT ngày 18/12/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty tiến hành tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền với số tiền tỷ 4.385.000.000 VND (tương đương 10% vốn điều lệ), ngày đăng ký cuối cùng là 08/01/2021. Công ty đã tiến hành chi trả số cổ tức trên trong tháng 1/2021.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 105/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2020 với tỷ lệ và số tiền như đã tạm ứng nêu trên.

**4.17.8 Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ Đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2021	22.730.964.647
Trích trong kỳ	527.383.248
Chi trong kỳ	-
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>23.258.347.895</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**4.18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Trí Đức - Xóa sổ do không thu được nợ	744.354.571	744.354.571

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán sách giáo khoa	235.934.601.296	166.302.541.914
Doanh thu bán sách tham khảo	35.199.801.091	18.268.182.786
Doanh thu khác	4.822.406.987	1.419.931.500
<b>Cộng</b>	<b>275.956.809.374</b>	<b>185.990.656.200</b>
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 6	130.360.728.170	90.727.584.592

**5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hàng bán bị trả lại	1.702.289.658	357.235.199
<b>Cộng</b>	<b>1.702.289.658</b>	<b>357.235.199</b>

**5.3. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán sách giáo khoa	217.111.442.391	155.685.988.644
Giá vốn bán sách tham khảo	24.129.122.849	11.147.870.766
Giá vốn hoạt động khác	2.921.162.519	1.150.394.842
<b>Cộng</b>	<b>244.161.727.759</b>	<b>167.984.254.252</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

## 5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	206.010.351	56.722.918
Cổ tức, lợi nhuận được chia	308.320.000	210.000.000
Chiết khấu thanh toán, phạt chậm thanh toán	340.188.526	61.501.059
<b>Cộng</b>	<b>854.518.877</b>	<b>328.223.977</b>

## 5.5. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	392.421.990	-
<b>Cộng</b>	<b>392.421.990</b>	<b>-</b>

## 5.6. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	6.000.768.826	3.383.374.035
Chi phí thuê kho	1.080.207.273	931.025.452
Chi phí khấu hao	148.777.695	157.091.443
Chi phí vận chuyển	2.065.673.756	1.124.237.532
Chi phí bán hàng khác	6.836.582.505	2.467.720.570
<b>Cộng</b>	<b>16.132.010.055</b>	<b>8.063.449.032</b>

## 5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	3.688.309.336	2.084.224.446
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	125.103.847	210.544.636
Chi phí khấu hao	289.663.946	12.831.672
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.358.729.322	2.342.297.559
Chi phí bằng tiền khác	1.001.468.168	961.602.500
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	83.029.061	497.804.871
<b>Cộng</b>	<b>7.546.303.680</b>	<b>6.109.305.684</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**5.8. Thu nhập khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ bốc xếp hàng hóa, gia công cắt rọc	20.853.273	36.909.274
Các khoản thu nhập khác	2.993.046	150.593
<b>Cộng</b>	<b>23.846.319</b>	<b>37.059.867</b>

**5.9. Chi phí khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí từ bốc xếp hàng hóa, gia công cắt rọc	368.482.873	349.781.544
Chi phí khác	606.806	807.497
<b>Cộng</b>	<b>369.089.679</b>	<b>350.589.041</b>

**5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.819.021.048	6.329.573.554
Chi phí nhân công	9.634.594.444	5.467.598.481
Chi phí khấu hao tài sản cố định	438.441.641	196.438.267
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.350.393.751	10.624.862.630
Chi phí khác bằng tiền	3.417.944.097	5.470.346.770
<b>Cộng</b>	<b>37.660.394.981</b>	<b>28.088.819.702</b>

**5.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.531.331.749	3.491.106.836
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	64.484.595	160.100.000
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	64.484.595	160.100.000
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	308.320.000	210.000.000
- Cổ tức nhận được	308.320.000	210.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	6.287.496.344	3.441.206.836
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.257.499.269</b>	<b>688.241.367</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa niên độ, số dư phải thu/ phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
<b>Phải thu khác - Xem thêm mục 4.5</b>		
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	14.814.913.266	14.814.913.266

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
<b>Phải thu khách hàng - xem thêm mục 4.2</b>		
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Bà Rịa - Vũng Tàu	14.986.604.773	-
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Bến Tre	5.837.004.984	322.099.164
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	4.446.254.510	2.360.965.942
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Bình Thuận	7.946.570.545	119.149.250
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	36.506.361.372	106.936.893
Công Ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường học Tiền Giang	4.600.679.598	388.036.827
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	475.518.220	119.874.880
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	261.668.314
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành Phố Đà Nẵng	-	783.750
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	52.441.940	-
Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Giáo dục Cửu Long	145.030.260	-
Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Trung	24.644.999	-
Công ty cổ phần In Sách Giáo Khoa TP.Hồ Chí Minh	-	13.000.000
<b>Cộng</b>	<b>75.021.111.201</b>	<b>3.692.515.020</b>

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
<b>Phải trả khác - xem thêm mục 4.16</b>		
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	754.940.760	-

<b>Người mua trả tiền trước - Xem thêm mục 4.13</b>		
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học tỉnh BR - VT	-	855.231.595

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
<b>Phải trả người bán - xem thêm mục 4.12</b>		
Công ty CP Bản đồ - Tranh ảnh Giáo dục	405.132.800	7.881.120
Công ty Cổ Phần Sách Đại học - Dạy nghề	2.561.976.860	372.263.350
Chi nhánh tại TP.HCM Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	6.497.000	-
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	1.300.779.325	2.540.921.735
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	1.466.641.991	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại TP Đà Nẵng	602.019.460	1.002.019.460
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	246.652.000	504.182.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	928.035.789	730.406.843
Công ty Cổ phần Học Liệu	17.247.507	20.764.141
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	31.889.000	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	192.099.518.623	3.033.067.286
Công ty TNHH Một Thành Viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	2.700.000	44.050.000
Công ty Cổ Phần Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	311.973.880	161.098.680
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	1.661.170.585	1.421.031.709
Công ty cổ phần In Sách Giáo Khoa TP.Hồ Chí Minh	57.188.355	-
<b>Cộng</b>	<b>201.699.423.175</b>	<b>9.837.686.324</b>

Trong kỳ, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Mua hàng</b>		
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	235.492.600	226.053.860
Công ty CP Sách - TBTH TP. Hồ Chí Minh	11.310.431.458	2.832.612.227
Công ty CP Bản đồ - Tranh ảnh Giáo dục	405.132.800	-
Công ty Cổ Phần Sách Đại học - Dạy nghề	3.068.473.860	2.045.603.080
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	567.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	759.857.590	1.734.418.860
Công ty CP ĐT và PT Giáo dục Phương Nam	2.045.368.691	240.507.200
Công ty CP DVXB Giáo dục tại TP Đà Nẵng	-	235.105.660
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	642.470.000	1.108.360.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	876.431.446	721.366.120
Công ty Cổ phần Học Liệu	366.453.505	364.357.712
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	31.889.000	76.160.500
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	291.787.445.037	254.167.088.160
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	2.700.000	500.000
Công ty Cổ Phần Sách Giáo Dục tại TP Đà Nẵng	300.875.200	-
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	2.451.496.000	1.882.934.850
Công ty cổ phần In Sách Giáo Khoa TP.Hồ Chí Minh	57.188.355	-
<b>Cộng</b>	<b>314.342.272.542</b>	<b>265.635.068.229</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Bán hàng - Xem thêm mục 5.1</b>		
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	23.000.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	69.493.303	11.025.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	-	25.444.200
Công ty CP Sách và TBTH Bình Thuận	-	6.304.452.221
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	11.820.128.450	11.084.636.145
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	58.495.604.570	51.577.651.900
Công ty CPĐT & PT Giáo dục Phương Nam	578.460.034	1.704.353.350
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	575.518.220	343.440.000
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	205.841.964	22.086.700
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	78.802.500	7.784.700
Công ty CP Sách - TBGD Miền Bắc	48.167.087	83.088.861
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	23.705.454	59.088.025
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	145.030.260	5.525.562
Công ty CP Sách TBTH Bến Tre	10.018.579.420	5.119.485.260
Công ty CP Sách - TBTH tỉnh BR - VT	24.289.827.883	7.944.756.668
Công ty CP Sách TBTH Tiền Giang	6.678.574.902	6.411.766.000
Công ty Cổ phần Sách - TBGD Bình Thuận	17.319.003.923	-
Công ty Cổ phần Học Liệu	13.990.200	-

<b>Cộng</b>	<b>130.360.728.170</b>	<b>90.727.584.592</b>
-------------	------------------------	-----------------------

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
--	---------------	-----------------

**Chia cổ tức**

Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	2.340.000.000	2.340.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	100.000.000	100.000.000
Công ty CP Học liệu	105.000.000	105.000.000

<b>Cộng</b>	<b>2.545.000.000</b>	<b>2.545.000.000</b>
-------------	----------------------	----------------------

Thù lao của Hội đồng quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao của HĐQT	105.000.000	105.000.000
<b>Cộng</b>	<b>105.000.000</b>	<b>105.000.000</b>

**7. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao của Ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000
<b>Cộng</b>	<b>24.000.000</b>	<b>24.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**8. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG**

❖ Công ty thuê đất tại Lô A5-3, Khu A5, Đường N2, Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thuê đất số 238/HĐTĐ/SCD-2019 ngày 16/10/2019 và Phụ lục số 238/PLHĐTĐ/SCD-2019 ngày 16/10/2019 với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD). Thông tin cụ thể như sau:

- Diện tích thuê: 5.000 m<sup>2</sup>.
- Thời gian thuê: Từ thời điểm ký hợp đồng ngày 16/10/2019 đến ngày 16/12/2054.
- Mục đích thuê: Xây dựng nhà kho.
- Tiền thuê lại đất: Thời điểm tính tiền thuê lại đất từ thời điểm nhận chuyển giao đất. Đơn giá thuê: Theo đơn giá được thông báo từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Tiền duy tu hàng năm: Thời điểm tính tiền duy tu: Công ty được miễn tiền duy tu 12 tháng kể từ thời điểm nhận bàn giao lô đất và đường giao thông N2 đã hoàn thiện. Phương thức trả tiền: hàng năm. Đơn giá duy tu: 12.500 đồng/m<sup>2</sup>/năm (chưa bao gồm VAT). Đơn giá này sẽ được xem xét lại 3 năm 1 lần với không chế mức tăng không quá 15% mức cũ.
- Tiền thuê cơ sở hạ tầng: Thời điểm chi trả: Chi trả theo tiến độ thanh toán đã được thỏa thuận trước tại Phụ lục hợp đồng nêu trên. Giá trị thuê: áp dụng đơn giá thuê 1.900.000 đồng/m<sup>2</sup> cho toàn bộ thời gian thuê (đơn giá chưa bao gồm VAT).

❖ Công ty thực hiện thuê kho và mặt bằng kinh doanh theo các hợp đồng thuê hoạt động có thời hạn từ 1 đến 3 năm và thực hiện trả tiền hằng năm.

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	1.598.750.756	1.119.643.634

**9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Đỗ Thị Mai Anh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Mai Hoa  
Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Mỹ Duyên  
Người lập



